

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THANH SƠN  
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2019/HNGĐ-ST  
Ngày: 30/10/2019  
V/v: *Tranh chấp Ly hôn, nuôi con  
chung*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH SƠN - TỈNH PHÚ THỌ.**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Vũ Quang Khải

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Nguyễn Gia Thắng

2. Ông Nguyễn Phước Khánh

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Hà Thị Hồng Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Sơn tham gia phiên tòa:***  
bà Đỗ Thị Minh Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 10 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 142/2019/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2019 về việc: “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị Thu H - Sinh năm 1984

Địa chỉ: Ấp Ph Th, xã Ph A, huyện B C, tỉnh Bình Dương.

(Chị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

2. *Bị đơn:* Anh Ngô Thanh S – Sinh năm 1982. (Có mặt)

Địa chỉ: Khu B T, thị trấn Th S, huyện Th S, Phú Thọ.

3. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

Ông Ngô Thiên Đ, sinh năm 1959 và vợ là bà Lê Thị Ng, sinh năm 1962. (Đều có mặt)

Đều trú tại: Khu B T, thị trấn Th S, huyện Th S, tỉnh Phú Thọ

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình làm việc tại Tòa án nguyên đơn chị Phạm Thị Thu H trình bày: Chị Phạm Thị Thu H và anh Ngô Thanh S có sự tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Thanh Sơn, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ vào năm 2007. Sau khi kết hôn vợ chồng chung

sống hạnh phúc được một thời gian, đến năm 2016 thì nảy sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, thường nảy sinh cãi vã xung đột. Vợ chồng đã ly thân với nhau được 03 năm không ai còn quan tâm đến nhau nữa. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa nên chị H đề nghị được ly hôn anh S.

*Về con chung:* Chị Phạm Thị Thu H có 01 con chung là cháu Ngô Phạm Thùy Tr - Sinh ngày 31/5/2008, hiện đang ở cùng chị H. Khi ly hôn chị H đề nghị được trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung.

*Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp và tư trang riêng:* Chị Phạm Thị Thu H khẳng định vợ chồng không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do bận công tác và ở xa nên chị H có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, đồng thời cũng đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

\* Tại bản tự khai ngày 28/6/2019, biên bản kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ, biên bản hòa giải, biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, tại phiên tòa anh S trình bày:

*Về quan hệ hôn nhân:* Anh S xác nhận việc tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn, thời gian địa điểm đăng ký kết hôn như chị H trình bày là đúng. Anh S cũng xác nhận trong thời gian chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, hiện anh S và chị H đã sống ly thân với nhau được 03 năm không ai còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị H đề nghị ly hôn, tại phiên hòa giải anh S cũng hoàn toàn nhất trí vì xác định tình cảm vợ chồng không còn nữa nên ly hôn để giải phóng cho nhau và sớm ổn định cuộc sống. Tuy nhiên, tại phiên tòa anh S chỉ đồng ý ly hôn với điều kiện là chị H phải chấp nhận trả nợ cho bố mẹ anh.

*Về con chung:* Anh S xác nhận anh và chị H có 01 con chung là Ngô Phạm Thùy Tr – Sinh ngày 31/5/2008, hiện đang ở cùng chị H. Nếu ly hôn anh S nhất trí giao cháu Tr cho chị H trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng con chung đến khi thành niên. Nếu anh S trực tiếp nuôi dưỡng con chung thì anh S cũng không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung.

*Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp và tư trang riêng:* Tại bản tự khai và hòa giải anh S khẳng định vợ chồng không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau đó đến ngày 12/7/2019 anh S có văn bản xin thay đổi quan điểm về nội dung anh S và chị H đã tự nguyện thỏa thuận trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành. Anh S cho rằng anh và chị H quá trình chung sống có vay của bố mẹ để anh Sơn là ông Ngô Thiên Đ và bà Lê Thị Ng số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) để mua đất, nay chị H đã tự ý bán đất nên khi ly hôn anh S yêu cầu chị H có trách nhiệm trả số nợ trên cho ông Đ và bà Ng.

Quan điểm của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Căn cứ vào đơn của anh Ngô Thanh S, Tòa án đã triệu tập ông Ngô Thiên Đ và bà Lê Thị Ng đến Tòa án làm việc để trình bày về số nợ của anh S và chị H, tại bản tự khai ông Đ và bà Ng cũng thống nhất trình bày: Quá trình chị H và anh S còn chung sống hạnh phúc, bà Ng có gửi vào cho vợ chồng anh S chị H vay số tiền 100.000.000 đồng để mua đất, sau đó anh S về ngoài Bắc chị H đã tự ý bán số đất trên, nay anh S và chị H ly hôn ông bà yêu cầu anh S và chị H phải trả cho ông bà số tiền trên.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát: Về việc tuân theo pháp luật: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của pháp luật, không có vi phạm gì. Các đương sự: Các đương sự đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H, xử cho chị H được ly hôn anh S. Giao cho chị H được tiếp tục trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng con chung là cháu Tr đến khi cháu Trang thành niên. Anh S không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị H không có yêu cầu. Các yêu cầu khác của anh S, ông Đ, bà Ng không có cơ sở để xem xét vì ngoài lời trình bày thì không cung cấp được tài liệu chứng cứ gì. Về án phí: Chị H phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Phạm Thị Thu H khởi kiện yêu cầu Tòa án cho ly hôn anh Ngô Thanh S, đối chiếu với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xác định quan hệ pháp luật của vụ án là tranh chấp ly hôn. Do vậy, xác định đây là tranh chấp về Hôn nhân gia đình theo Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Sơn theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Chị H có đơn đề nghị vắng mặt tại phiên tòa nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử là phù hợp với quy định tại điều 228 BLTTDS .

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Thu H và anh Ngô Thanh S có sự tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Thanh S, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ vào năm 2007. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Về tình cảm vợ chồng: Cả chị H và anh S đều xác nhận quá trình chung sống vợ chồng không hạnh phúc nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, hiện nay chị H và anh S đã sống ly thân được 03 năm. Do xác định tình cảm vợ chồng không còn nữa nên chị H đề nghị được ly hôn anh S. Xét thấy thực tế đời sống chung vợ chồng giữa chị H và anh S đã không còn tồn tại, mâu thuẫn không có khả năng khắc phục, cả hai bên đều xác định không còn tình cảm. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần xử cho chị H được ly hôn anh S là phù hợp Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Việc anh S trình bày chỉ đồng ý ly hôn có điều kiện kèm theo là không phù hợp nên không được chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị H và anh S đều thống nhất xác nhận vợ chồng có 01 con chung là cháu Ngô Phạm Thùy Tr - Sinh ngày 31/5/2008, hiện đang ở

cùng chị H. Cả chị H và anh S đều đã thống nhất giao cho chị H được tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng con chung là cháu Tr đến khi thành niên, anh S không thay đổi quan điểm về phần con chung. Vì vậy HĐXX xét thấy cần giao cháu Tr cho chị H được tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng đến khi thành niên là phù hợp. Anh S không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị H không có yêu cầu.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Trong văn bản thay đổi quan điểm anh S có trình bày là vợ chồng có vay tiền của bố mẹ để anh S để mua đất hiện nay chị H đã tự ý bán, anh S không yêu cầu chia tài sản nhưng yêu cầu chị H phải có trách nhiệm trả nợ chung. HĐXX thấy rằng: Sau khi anh S có văn bản xin thay đổi nội dung đã thỏa thuận về phần tài sản chung và nợ chung, Thẩm phán đã có văn bản thông báo yêu cầu anh S cung cấp những tài liệu chứng cứ, chứng minh về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng để Tòa án có cơ sở thụ lý yêu cầu quyền và nghĩa vụ về tài sản chung của anh chị. Tuy nhiên anh S không cung cấp được bất kỳ tài liệu chứng cứ chứng minh gì về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng nên Tòa án không thụ lý và xem xét trong vụ án này, tại phiên tòa anh S cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì. Anh S có quyền khởi kiện về việc chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn trong vụ án khác nếu có đủ căn cứ chứng minh yêu cầu của mình.

[5] Đối với yêu cầu của ông Ngô Thiên Đ và bà Lê Thị Ng: Tại buổi làm việc tại Tòa án, sau khi được nghe giải thích quyền và nghĩa vụ, ông Đ và bà Ng từ chối viết bản tự khai, cũng không đồng ý để Tòa án lấy lời khai mà đề nghị được mang mẫu bản tự khai về viết rồi nộp lại sau, đồng thời sẽ thu thập tài liệu chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của mình. Sau đó ông Đ và bà Ng có nộp lại bản tự khai cho Tòa án, nội dung bản tự khai ngoài việc khẳng định lại anh S và chị H có vay của ông bà 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) thì ông bà còn cung cấp thêm lời xác nhận của ông Ngô Duy Đ, đại diện cho gia đình anh S, ông Nguyễn Phong Ph, đại diện cho gia đình chị H là những người có mặt trong buổi họp gia đình có được nghe việc chị H xác nhận nợ với cả hai bên gia đình. Ông Đ và bà Ng không cung cấp được tài liệu chứng cứ gì chứng minh việc anh S và chị H vay tiền của ông bà.

Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của ông Ngô Duy Đ và ông Nguyễn Phong Ph nhưng hai ông đều khẳng định không biết gì về việc vay nợ của anh S và chị H.

Do chị H có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nên Tòa án đã có văn bản thông báo cho chị H biết việc ông Đ và bà Ng có yêu cầu nợ chung, cũng như lời khai của ông Ph và ông Đ. Tại văn bản ngày 04/10/2019 chị H khẳng định lại Chị và anh S không có tài sản chung, không có nợ chung, chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung cũng như công sức đóng góp và tư trang riêng. Khi đến Tòa án làm việc bản thân anh S cũng đã khẳng định vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung cũng như công sức đóng góp và tư trang riêng sau đó có ký vào các biên bản thỏa thuận tại Tòa án. Sau đó không biết vì lý do gì anh Sơn lại tự ý thay đổi

thỏa thuận này. Việc ông Ngô Thiên Đ và bà Lê Thị Ng cho rằng chị và anh S còn nợ của ông Đ và bà Ng 100.000.000đồng là tiền ông bà gửi vào cho anh chị mua đất, nay ông Đ và bà Ng yêu cầu chị H có trách nhiệm trả số nợ trên chị H không nhất trí vì chị H không vay tiền của ông Đ và bà Ng. Nay ông Đ, bà Ng cũng không đưa ra được tài liệu chứng cứ gì để bảo vệ quyền lợi của mình. Như vậy thấy rằng yêu cầu của ông Đ và bà Ng là không có căn cứ, chị H không thừa nhận số nợ trên nên không thể buộc chị H trả nợ. Ông Đ, bà Ng có quyền yêu cầu anh Sơn, chị H trả nợ khi có tài liệu chứng cứ chứng minh.

[6] Về công sức đóng góp và tư trang riêng: Chị H và anh S khẳng định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[7] Quan điểm đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên được chấp nhận.

[8] Về án phí: Chị H phải nộp toàn bộ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

[9] Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 147; 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng các khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị Thu H được ly hôn anh Ngô Thanh S.

2. Về con chung: Giao cho chị Phạm Thị Thu H được tiếp tục trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng con chung là cháu Ngô Phạm Thùy Tr – Sinh ngày 31/5/2008 đến khi cháu Tr thành niên. Anh S không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về nợ chung: Bác yêu cầu của anh S, ông Đ, bà Ng về việc yêu cầu chị H trả cho ông Đ, bà Ng số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng).

3. Về án phí: Chị H phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Xác nhận chị H đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số AA/2018/0001761 ngày 28/6/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Sơn. Nay chuyển thành án phí.

Các đương sự có mặt được kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể

từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết tại Trụ sở UBND xã nơi các đương sự cư trú để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự.
- VKSND huyện.
- Cơ quan THADS huyện.
- UBND TT. Thanh Sơn
- Lưu VT, Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

*Đã ký*

**Vũ Quang Khải**